

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 421

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sóc Trăng, ngày 09 tháng 7 năm 2021

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	7.809,500	3.139,116		
1	Lệ phí	3.409,500	1.315,920		
	Lệ phí cấp đổi văn bằng chứng chỉ (GPLX)	3.375,000	1.303,290	38,62	87,90
	Lệ phí ĐK cấp đổi kèm biển số xe chuyên dùng	14,000	3,600	25,71	135,85
	Lệ phí cấp đổi khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng	2,500	0,100	4,00	12,50
	Lệ phí cấp chứng chỉ chuyên môn	1,000	0,020	2,00	100,00
	Lệ phí đăng ký, cấp phép cấp biển phương tiện thủy nội địa	17,000	8,910	52,41	74,19
2	Phí	4.400,000	1.823,196		
	Phí sát hạch lái xe (môtô)	1.350,000	479,220	35,50	73,02
	Phí sát hạch lái xe (ôtô)	2.700,000	1.341,060	49,67	140,22
	Phí thẩm định (DA đầu tư, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, dự toán XD)	350,000	2,916	0,83	0,00
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính	4.095,000	1.280,866		
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.125,000	73,156	6,50	120,68
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.970,000	1.207,710	40,66	117,40
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	3.714,500	1.412,056		
1	Lệ phí	3.409,500	1.315,920		

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng	hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Lệ phí cấp đổi văn bằng chứng chỉ (GPLX)	3.375,000	1.303,290	38,62	87,90
	Lệ phí ĐK cấp đổi kèm biển số xe chuyên dùng	14,000	3,600	25,71	135,85
	Lệ phí cấp đổi khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng	2,500	0,100	4,00	12,50
	Lệ phí cấp chứng chỉ chuyên môn	1,000	0,020	2,00	100,00
	Lệ phí đăng ký, cấp phép cấp biển phương tiện thủy nội địa	17,000	8,910	52,41	74,19
2	Phí	305,000	96,136		
	Phí sát hạch lái xe (môtô)	270,000	95,844	35,50	73,02
	Phí sát hạch lái xe (ôtô)				
	Phí thẩm định (DA đầu tư, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, dự toán XD)	35,000	0,292	0,83	2,24
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính	9.376,900	3.829,623		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.668,000	2.633,431	46,46	99,55
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.708,900	1.196,192	32,25	89,31
1.3	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
1.4	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	133.758,000	11.782,763	8,81	27,35
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng	hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				

C.N
 3
 HỘ
 1 T.Á
 5c 1

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng	Hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Nhà so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
5.2	Dự án B				
6	Chỉ hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Ngày 09 tháng 07 năm 2021 *ph*
Thủ trưởng đơn vị



Trần Quốc Thống